

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO
BÌ BIÊN HÒA**
**BIEN HOA PACKAGING
JOINT STOCK COMPANY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 40 / SVI-2022
No.: 40 / SVI-2022

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2022
Dong Nai, day 12 month 08 year 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/ BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/*Stock code*: SVI

- Địa chỉ/*Address*: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Street No. 7, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.

- Điện thoại/*Tel.*: 0251.3836121 - Fax: 0251.3832939 - E-mail: ducph@sovi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính bán niên soát xét tại ngày 30/06/2022 (kèm giải trình) - Công ty CP Bao bì Biên Hòa (SOVI).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/08/2022 tại đường dẫn codong.sovi.com.vn/ *This information was published on the company's website on 12/08/2022, as in the link codong.sovi.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

BCTC bán niên soát xét năm 2022.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC

Giám đốc tài chính/ CFO



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp 4703000057
3600648493

ngày 14 tháng 8 năm 2003
ngày 24 tháng 1 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600648493 ngày 24 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Suchai Korprasertsri
Ông Sompob Witworrasakul
Ông Tawatchai Jungsomsri
Ông Hirofumi Hori
Ông Toshinobu Sada
Ông Ekarach Sinnarong
Ông Đình Quang Hùng
Bà Saranya Skontanarak
Ông Nguyễn Quý Thịnh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Krasame Singhakul
Ông Wattana Intachoom
Bà Theamhathai Tibfan

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ekarach Sinnarong
Ông Đặng Ngọc Diệp
Ông Trần Trang Bình
Ông Phạm Hồng Đức

Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Phó Giám đốc điều hành
Giám đốc tài chính

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Ekarach Sinnarong

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

10117
CHI
ÔNG
K
H PH

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo soát xét ngày 13 tháng 8 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 21 tháng 3 năm 2022.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00218-22-1



Chàng Hưng Chừn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2022



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		939.107.947.167	848.185.093.998
Tiền	110	4	61.575.959.050	64.896.811.446
Tiền	111		61.575.959.050	64.896.811.446
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		251.753.972.603	134.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	251.753.972.603	134.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		418.860.469.626	432.637.403.060
Phải thu của khách hàng	131	6	414.750.785.829	427.611.434.092
Trả trước cho người bán	132	7	3.253.312.470	6.262.801.628
Phải thu khác	136	8	2.979.281.036	1.395.162.449
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(2.122.909.709)	(2.631.995.109)
Hàng tồn kho	140	10	202.462.634.056	213.948.392.280
Hàng tồn kho	141		202.462.634.056	214.063.380.828
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(114.988.548)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.454.911.832	2.202.487.212
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	4.454.911.832	1.964.076.530
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	-	238.410.682
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		312.218.242.207	311.861.687.790
Các khoản phải thu - dài hạn	210		14.100.000	104.025.000
Phải thu dài hạn khác	216		14.100.000	104.025.000
Tài sản cố định	220		154.932.722.653	166.034.772.966
Tài sản cố định hữu hình	221	12	154.643.388.809	165.609.094.594
Nguyên giá	222		637.133.583.665	626.838.831.608
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(482.490.194.856)	(461.229.737.014)
Tài sản cố định vô hình	227	13	289.333.844	425.678.372
Nguyên giá	228		2.965.022.613	2.965.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.675.688.769)	(2.539.344.241)
Tài sản dở dang dài hạn	240		26.179.016.779	10.267.662.999
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	26.179.016.779	10.267.662.999
Tài sản dài hạn khác	260		131.092.402.775	135.455.226.825
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	129.967.879.312	132.810.267.234
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	1.124.523.463	2.644.959.591
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.251.326.189.374	1.160.046.781.788

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		579.997.521.437	526.184.429.139
Nợ ngắn hạn	310		574.374.904.122	512.959.631.184
Phải trả người bán	311	16	357.622.807.784	345.765.970.525
Người mua trả tiền trước	312		24.455.851	52.338.332
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	13.529.562.902	10.165.126.067
Phải trả người lao động	314		7.821.655.306	9.801.368.430
Chi phí phải trả	315	18	30.789.324.133	28.586.293.965
Phải trả ngắn hạn khác	319		248.450.041	447.336.257
Vay ngắn hạn	320	19	163.832.049.663	115.421.129.166
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	506.598.442	2.720.068.442
Nợ dài hạn	330		5.622.617.315	13.224.797.955
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	5.622.617.315	13.224.797.955
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		671.328.667.937	633.862.352.649
Vốn chủ sở hữu	410	22	671.328.667.937	633.862.352.649
Vốn cổ phần	411	23	128.324.370.000	128.324.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.324.370.000	128.324.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	636.060.646
Quỹ đầu tư phát triển	418		153.593.356.183	153.593.356.183
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		388.774.881.108	351.308.565.820
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		328.210.179.220	259.189.085.264
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		60.564.701.888	92.119.480.556
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.251.326.189.374	1.160.046.781.788

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trần Xuân Định
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

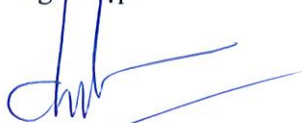
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	991.994.632.777	912.632.566.770
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	(1.245.672.829)	(366.186.638)
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	990.748.959.948	912.266.380.132
Giá vốn hàng bán	11	26	859.150.909.354	795.682.725.800
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		131.598.050.594	116.583.654.332
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	5.768.919.819	5.053.889.399
Chi phí tài chính	22	28	1.974.889.773	3.882.292.933
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.754.394.496	3.777.086.364
Chi phí bán hàng	25	29	41.091.280.922	40.884.195.963
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	18.999.171.008	19.501.153.257
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		75.301.628.710	57.369.901.578
Thu nhập khác	31		760.150.977	380.723.289
Chi phí khác	32		208.440.846	218.480.120
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		551.710.131	162.243.169
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.853.338.841	57.532.144.747
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	13.768.200.825	11.692.078.341
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.520.436.128	(141.953.368)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		60.564.701.888	45.982.019.774
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	4.720	3.209

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



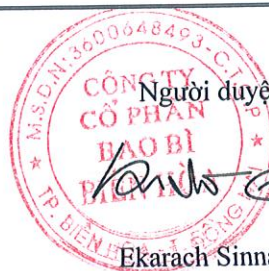
Trần Xuân Định
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		75.853.338.841	57.532.144.747
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		21.396.802.370	21.939.017.398
Các khoản dự phòng	03		(624.073.948)	1.084.904.174
Lỗi từ xóa sổ tài sản dài hạn	05		2.287.737.772	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.552.392.288)	(4.814.299.142)
Chi phí lãi vay	06		1.754.394.496	3.777.086.364
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		95.115.807.243	79.518.853.541
Biến động các khoản phải thu	09		16.278.734.419	(9.946.783.573)
Biến động hàng tồn kho	10		11.600.746.772	(132.297.369.938)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		40.731.630	3.567.740.861
Biến động chi phí trả trước	12		351.552.620	343.119.153
			123.387.572.684	(58.814.439.956)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.405.285.201)	(3.611.332.198)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.380.607.949)	(16.332.072.338)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.213.470.000)	(11.908.831.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		105.388.209.534	(90.666.675.492)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(20.655.635.609)	(1.474.673.110)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(251.753.972.603)	(133.950.000.000)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24		134.500.000.000	150.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.888.012.385	5.125.205.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(134.021.595.827)	20.200.532.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

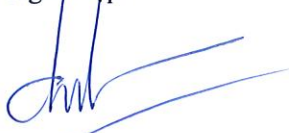
Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
-------	-------------	--	------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	319.251.387.024	467.341.156.006
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(270.840.466.527)	(411.385.320.329)
Tiền trả cổ tức	36	(23.098.386.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	25.312.533.897	55.955.835.677
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.320.852.396)	(14.510.307.425)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	64.896.811.446	32.816.314.983
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	61.575.959.050	18.306.007.558

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:


Trần Xuân Định
Kế toán

Người duyệt:


Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Tổng Giám đốc của HOSE với mã chứng khoán là “SVI”.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có một chi nhánh phụ thuộc (1/1/2022: một chi nhánh phụ thuộc).

Chi nhánh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 11 tháng 1 năm 2011, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu, và giấy chứng nhận điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 13 tháng 5 năm 2020. Chi nhánh đặt tại Lô B-6A-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 727 nhân viên (1/1/2022: 739 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	4 năm

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 năm đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Trong kỳ, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước/năm trước.

4. Tiền

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	208.434.963	216.694.669
Tiền gửi ngân hàng	61.367.524.087	64.680.116.777
	61.575.959.050	64.896.811.446

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm.

6. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	60.078.150.274	61.510.201.013
Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	19.532.509.389	32.039.669.897
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	18.855.785.691	20.765.550.360
Các khách hàng khác	316.284.340.475	313.296.012.822
	414.750.785.829	427.611.434.092

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	6.263.205.120	383.200.400
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	4.436.272.962	4.053.334.431
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	990.919.978	1.183.771.042
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	621.766.940	3.412.676.908
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	611.266.746	1.130.653.480

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

7. Trả trước cho người bán

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
BOBST SA	2.398.799.640	-
Lian Ttee Machinery Industrial Co., Ltd	-	5.114.475.000
Các nhà cung cấp khác	854.512.830	1.148.326.628
	3.253.312.470	6.262.801.628

8. Phải thu khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Lãi dự thu	2.714.195.519	1.049.815.616
Đặt cọc	250.488.000	327.688.000
Tạm ứng cho nhân viên	-	13.600.000
Khác	14.597.517	4.058.833
	2.979.281.036	1.395.162.449

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2022			1/1/2022		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn VND	Giá gốc VND
<i>Nợ quá hạn</i>						
Công ty TNHH Nông nghiệp Red Sun	Trên 3 năm Từ 1 năm đến	1.009.642.440	1.009.642.440	-	Trên 3 năm Từ 1 năm đến	1.009.642.440
Công ty TNHH MTV Giai Mỹ	dưới 3 năm Từ 1 năm đến	400.300.194	268.075.499	132.224.695	dưới 2 năm Từ 1 năm đến	1.400.300.194
Công ty TNHH Kim Bách Tùng	dưới 2 năm	426.934.200	213.467.100	213.467.100	dưới 2 năm	426.934.200
Ana Water and Smiler Beverage Co., Ltd	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến	181.954.169	181.954.169	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến	178.176.574
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	dưới 1 năm	60.078.150.274	11.934.048	60.066.216.226	dưới 1 năm	61.510.201.013
Công ty TNHH Sản xuất Nước Giải Khát Mercury	Trên 3 năm	115.463.400	115.463.400	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến	115.463.400
Các khách hàng khác	Trên 6 tháng	671.727.579	322.373.053	349.354.526	dưới 3 năm	712.019.433
		62.884.172.256	2.122.909.709	60.761.262.547		65.352.737.254
						2.631.995.109
						62.720.742.145

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.631.995.109	2.220.690.011
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	375.137.334
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(509.085.400)	-
Số dư cuối kỳ	2.122.909.709	2.595.827.345

10. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	11.689.587.035	-	2.995.686.663	-
Nguyên vật liệu	171.253.070.938	-	187.855.276.380	-
Công cụ và dụng cụ	205.758.087	-	259.092.403	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.727.866.070	-	5.524.763.022	-
Thành phẩm	15.168.063.802	-	17.035.876.483	(114.988.548)
Hàng gửi đi bán	418.288.124	-	392.685.877	-
	202.462.634.056	-	214.063.380.828	(114.988.548)

11. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	2.924.279.895	933.310.796
Chi phí bảo hiểm trả trước	1.316.674.659	532.709.152
Sửa chữa và bảo trì	58.968.533	137.081.333
Khác	154.988.745	360.975.249
	4.454.911.832	1.964.076.530

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Sửa chữa và bảo trì VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	129.668.276.083	894.291.476	879.449.959	1.368.249.716	132.810.267.234
Tăng trong kỳ	-	-	216.800.000	-	216.800.000
Phân bổ trong kỳ	(1.742.980.836)	(406.162.602)	(794.878.992)	(115.165.492)	(3.059.187.922)
Số dư cuối kỳ	127.925.295.247	488.128.874	301.370.967	1.253.084.224	129.967.879.312

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	140.213.459.184	455.658.798.640	19.397.366.344	11.095.031.622	474.175.818	626.838.831.608
Tăng trong kỳ	-	1.816.504.350	-	103.000.000	-	1.919.504.350
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang	-	8.375.247.707	-	-	-	8.375.247.707
Số dư cuối kỳ	140.213.459.184	465.850.550.697	19.397.366.344	11.198.031.622	474.175.818	637.133.583.665
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	69.641.321.593	368.263.622.618	13.587.374.033	9.263.242.952	474.175.818	461.229.737.014
Khấu hao trong kỳ	3.003.573.268	16.836.984.479	962.486.011	457.414.084	-	21.260.457.842
Số dư cuối kỳ	72.644.894.861	385.100.607.097	14.549.860.044	9.720.657.036	474.175.818	482.490.194.856
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	70.572.137.591	87.395.176.022	5.809.992.311	1.831.788.670	-	165.609.094.594
Số dư cuối kỳ	67.568.564.323	80.749.943.600	4.847.506.300	1.477.374.586	-	154.643.388.809

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là các tài sản có nguyên giá 291.372.568.440 VND đã khấu hao hết (1/1/2022: 287.141.441.801 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	232.020.000	2.632.334.724	100.667.889	2.965.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	232.020.000	2.206.656.352	100.667.889	2.539.344.241
Khấu hao trong kỳ	-	136.344.528	-	136.344.528
Số dư cuối kỳ	232.020.000	2.343.000.880	100.667.889	2.675.688.769
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	425.678.372	-	425.678.372
Số dư cuối kỳ	-	289.333.844	-	289.333.844

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là các tài sản có nguyên giá 2.156.334.089 VND đã được khấu hao hết (1/1/2022: 2.125.072.089 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.267.662.999	10.069.112.647
Tăng trong kỳ	26.574.339.259	32.752.876
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.375.247.707)	-
Xóa sổ	(2.287.737.772)	-
Số dư cuối kỳ	26.179.016.779	10.101.865.523

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc	26.179.016.779	7.979.925.227
Dự án ERP	-	2.287.737.772
	26.179.016.779	10.267.662.999

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng tăng tiền thuê đất	20%	-	1.468.056.765
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	1.124.523.463	1.176.902.826
		1.124.523.463	2.644.959.591

16. Phải trả cho người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	111.129.510.222	64.705.490.300
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	83.506.545.270	148.104.773.291
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	40.020.180.678	48.340.209.225
Công ty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam	13.292.124.300	13.028.232.690
Các nhà cung cấp khác	109.674.447.314	71.587.265.019
	357.622.807.784	345.765.970.525
Số có khả năng trả nợ	357.622.807.784	345.765.970.525



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	83.506.545.270	148.104.773.291
Thai Containers Group Co., Ltd	420.377.753	2.873.339.701
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	55.777.464	89.001.000
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	-	2.403.176.490
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	35.653.500	153.854.998

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	383.354.471	105.005.099.457	(5.606.855.759)	(94.831.541.659)	4.950.056.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.829.242.909	13.768.200.825	(14.380.607.949)	-	8.216.835.785
Thuế thu nhập cá nhân	952.528.687	4.659.678.525	(5.249.536.605)	-	362.670.607
Thuế khác	-	89.575.994	(89.575.994)	-	-
	10.165.126.067	123.522.554.801	(25.326.576.307)	(94.831.541.659)	13.529.562.902

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã được hoàn lại VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	238.410.682	94.593.130.977	-	(94.831.541.659)	-

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí vận chuyển	4.367.511.763	4.075.995.970
Phí gia công	3.483.046.114	596.900.000
Thưởng nhân viên	17.352.858.238	18.199.290.912
Chi phí lãi vay	560.570.925	211.461.630
Chi phí khác	5.025.337.093	5.502.645.453
	30.789.324.133	28.586.293.965

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong kỳ		30/6/2022
	VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND VND
Vay ngắn hạn	115.421.129.166	319.251.387.024	(270.840.466.527)	- 163.832.049.663
Số có khả năng trả nợ	115.421.129.166			163.832.049.663

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	54.423.508.682	73.263.434.576
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	VND	81.909.366.311	32.895.313.770
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	27.499.174.670	9.262.380.820
		163.832.049.663	115.421.129.166

Các khoản vay trên không được đảm bảo.



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả cho các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.720.068.442	14.652.899.442
Phân bổ trong kỳ	-	4.584.006.641
Sử dụng trong kỳ	(2.213.470.000)	(11.908.831.000)
Số dư cuối kỳ	506.598.442	7.328.075.083

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Tăng tiền thuê đất	Trợ cấp thôi việc	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.340.283.825	5.884.514.130	13.224.797.955
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(7.340.283.825)	(261.896.815)	(7.602.180.640)
Số dư cuối kỳ	-	5.622.617.315	5.622.617.315

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	284.529.813.082	567.083.599.911
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	45.982.019.774	45.982.019.774
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.168.013.281	(9.168.013.281)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(4.584.006.641)	(4.584.006.641)
Trích lập quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(202.000.000)	(202.000.000)
Hoàn nhập tạm trích quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	324.146.182	324.146.182
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	128.324.370.000	636.060.646	162.761.369.464	316.881.959.116	608.603.759.226
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	46.137.460.782	46.137.460.782
Hoàn nhập tạm trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(9.168.013.281)	9.168.013.281	-
Hoàn nhập tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	4.584.006.641	4.584.006.641
Hoàn nhập tạm trích lập quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	202.000.000	202.000.000
Cổ tức	-	-	-	(25.664.874.000)	(25.664.874.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	351.308.565.820	633.862.352.649
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	351.308.565.820	633.862.352.649
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	60.564.701.888	60.564.701.888
Cổ tức (*)	-	-	-	(23.098.386.600)	(23.098.386.600)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	388.774.881.108	671.328.667.937

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 23.098 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021: không).

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 như sau

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
TCG Solutions Pte. Ltd	12.076.587	120.765.870.000	94,11%
Các cổ đông khác	755.850	7.558.500.000	5,89%
	12.832.437	128.324.370.000	100%

Công ty mẹ, TCG Solutions Pte. Ltd, được thành lập tại Singapore. Công ty mẹ cấp cao, The Siam Cement Public Company Limited, được thành lập tại Thái Lan.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	1.556.419.068	3.068.213.727
Trong vòng hai đến năm năm	3.735.635.340	10.468.033.576
Sau năm năm	18.622.374.942	75.502.770.326
	23.914.429.350	89.039.017.629

(b) Ngoại tệ các loại

		30/6/2022		1/1/2022
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	70.378	1.609.989.290	40.761	922.811.324
EUR	261	6.706.495	265	6.740.885
		1.616.695.785		929.552.209

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	13.927.080.694

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	947.297.020.059	875.995.362.461
▪ Phế liệu đã bán	44.697.612.718	36.637.204.309
	991.994.632.777	912.632.566.770
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(210.805.959)
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.245.672.829)	(155.380.679)
	(1.245.672.829)	(366.186.638)
	990.748.959.948	912.266.380.132

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	815.347.689.409	760.370.625.870
▪ Khác	43.803.219.945	35.312.099.930
	859.150.909.354	795.682.725.800

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	5.552.392.288	4.814.299.142
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	144.843.226	183.483.347
Khác	71.684.305	56.106.910
	5.768.919.819	5.053.889.399

28. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.754.394.496	3.777.086.364
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	220.495.277	105.206.569
	1.974.889.773	3.882.292.933

29. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	29.847.793.415	30.525.217.607
Chi phí nhân viên	9.715.110.508	9.128.084.416
Chi phí hoa hồng	600.000.000	692.897.567
Chi phí quảng cáo	748.691.950	294.769.746
Chi phí bán hàng khác	179.685.049	243.226.627
	41.091.280.922	40.884.195.963

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.305.298.433	11.386.861.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.017.980.526	1.642.662.449
Chi phí thuê đất	1.311.244.602	1.311.244.602
Chi phí công cụ và dụng cụ	735.392.372	788.128.787
Chi phí khấu hao	542.447.768	519.419.988
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(509.085.400)	375.137.334
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	900.000.000
Chi phí khác	2.595.892.707	2.577.698.656
	18.999.171.008	19.501.153.257

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	718.769.526.759	656.559.147.586
Chi phí nhân công và nhân viên	86.392.360.368	87.820.851.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.190.660.647	48.621.502.825
Chi phí vận chuyển	29.847.793.415	30.525.217.607
Chi phí khấu hao và phân bổ	21.396.802.370	21.939.017.398
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(509.085.400)	375.137.334
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	900.000.000
Chi phí khác	12.153.303.125	13.602.629.134

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	13.768.200.825	11.692.078.341
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.520.436.128	(141.953.368)
Chi phí thuế thu nhập	15.288.636.953	11.550.124.973

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.853.338.841	57.532.144.747
Thuế theo thuế suất của Công ty	15.170.667.768	11.506.428.949
Chi phí không được khấu trừ thuế	117.969.185	43.696.024
	15.288.636.953	11.550.124.973

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	60.564.701.888	45.982.019.774
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.584.006.641)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	(202.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	60.564.701.888	41.196.013.133

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	12.832.437	12.832.437
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	12.832.437	12.832.437

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này. Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty mẹ		
TCG Solutions Pte. Ltd		
Phí quản lý	-	4.011.391.888
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina		
Bán hàng hóa	19.045.353.600	13.452.310.000
Mua hàng hóa	177.760.864.610	147.379.097.750
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành		
Bán hàng hóa	2.799.899.016	4.861.466.452
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á		
Bán hàng hóa	1.242.291.007	1.884.645.310
Mua hàng hóa	726.485.300	-
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)		
Bán hàng hóa	3.820.814.093	171.137.100
Mua hàng hóa	133.825.500	405.377.600
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân		
Bán hàng hóa	10.782.806.731	-
Mua hàng hóa	429.162.500	-
Thai Containers Group Co., Ltd		
Chi trả hộ	3.216.176.884	-
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)		
Bán hàng hóa	-	48.970.000
Mua hàng hóa	210.263.100	69.865.600
PT. Dayasa Aria Prima		
Mua hàng hóa	4.905.268.968	-
Công ty TNHH Ngói Bê Tông SCG (Việt Nam)		
Bán hàng hóa	15.000.000	-
Lương thưởng cho nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.978.421.869	1.709.148.988

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trần Xuân Định
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số 39.../SVI-2022

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN

tại báo KQHĐKD bán niên 2022 đã được soát xét
thay đổi (tăng) trên 10% so với cùng kỳ.Biên Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2022**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa kính gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM lời chào trân trọng và cảm ơn chân thành về sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian vừa qua.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (gọi tắt là SOVI. Mã chứng khoán: SVI) xin gửi đến Quý cơ quan giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp bán niên 2022 tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được soát xét thay đổi (tăng) trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Bán niên 2022	Bán niên 2021	Chênh lệch	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(5)=(4)/(3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD đã được soát xét	60.564.701.888	45.982.019.774	14.582.682.114	31,71%

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD bán niên 2022 đã được soát xét thay đổi (tăng) trên 10% so với cùng kỳ là 31,71%: Chủ yếu do nâng cao năng suất, tăng cường công tác quản trị cũng như tiết giảm các khoản chi phí lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là giải trình của SOVI.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu : QTHC

**EKARACH SINNARONG**